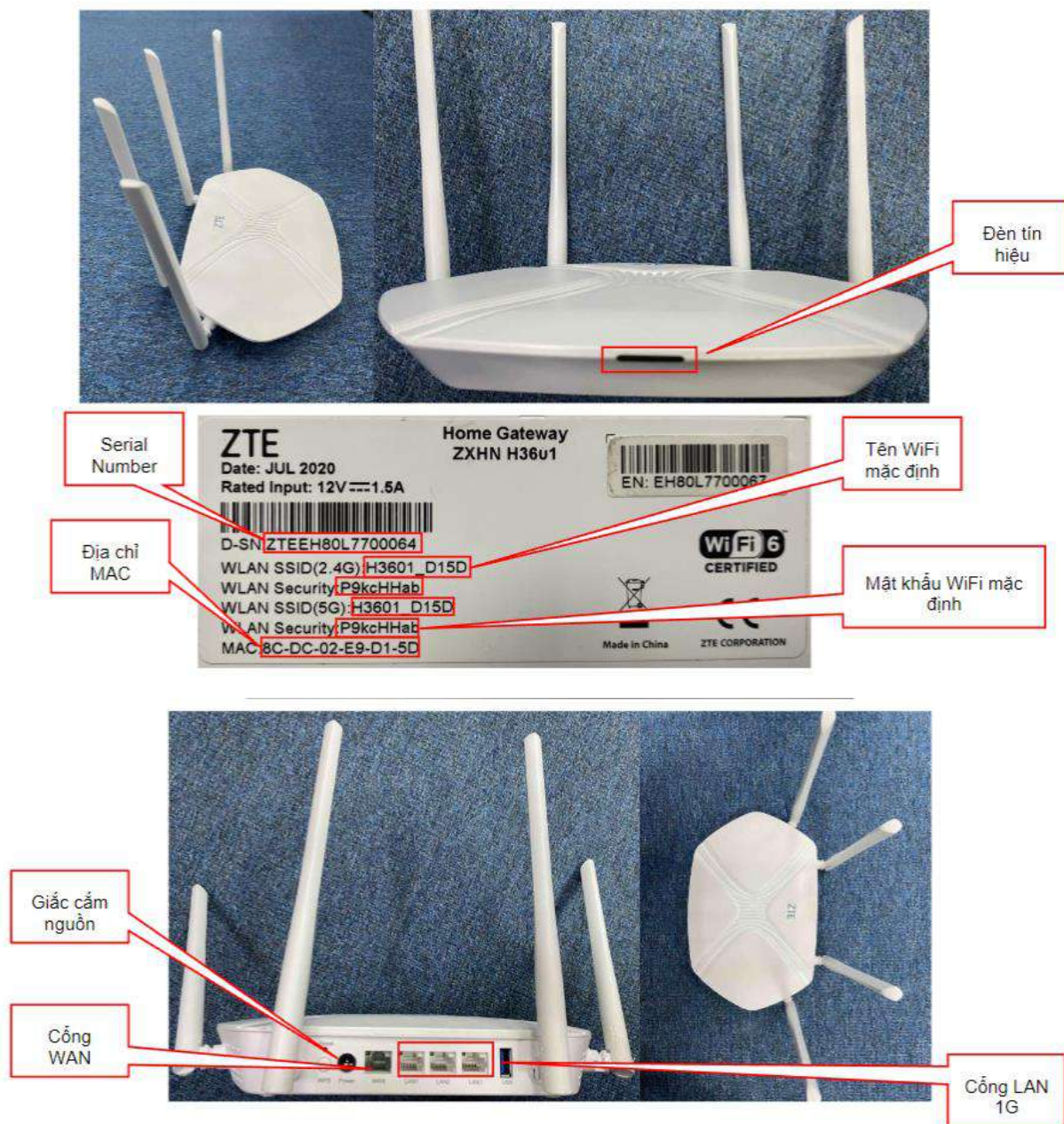


Mục Lục

1.TỔNG QUAN THIẾT BỊ	2
1.1 Hình ảnh, giới thiệu thiết bị	2
1.2 Chức năng	3
1.3 Đặc điểm kỹ thuật AX1800AZ.....	3
1.4 Trạng thái đèn thiết bị	4
1.5 Các dạng mô hình lắp đặt tham khảo	4
2. CẤU HÌNH CHI TIẾT	5
2.1 Đăng nhập WEPGUI	5
2.2 Cấu hình Wifi : SSID name , Password, giới hạn số lượng client	6
2.3 Cấu hình tách sóng WIFI	7
2.4 Cấu hình 1800AZ thành Repeater	8
2.5 Cấu hình IPTV	9
2.6 Cấu hình MESH	10
2.7. Chặn thiết bị truy cập (Parental Controls)	11
2.8 : Nat port.....	12
2.9. Cấu hình bật Remote web.....	13

1.TỔNG QUAN THIẾT BỊ

1.1 Hình ảnh, giới thiệu thiết bị



1.2 Chức năng

- Sử dụng thiết bị Access Point AX1800AZ làm Access Point

1.3 Đặc điểm kỹ thuật **AX1800AZ**

Mục	Đặc điểm
Nguồn cung cấp	12V – 1.5A
LAN	3 x cổng LAN 10/100/1000Mbps
Công suất truyền tải (EIRP)	2,4GHz: ≤ 20dBm (≤100mW) 5GHz: ≤ 26dBm (≤400mW)
Độ lợi Ăng-ten	2,4GHz: 5dBi, 5GHz: 5dBi
Chuẩn Wi-Fi	802.11a/b/g/n/ac/ax
Công nghệ	Roaming Smart Band Steering Easy Mesh

AX1800AZ đáp ứng tốt cho 20 client và tối đa 32 client kết nối qua Wi-Fi (tính trên cả 2 băng tần) và 3 client kết nối LAN phù hợp với mạng gia đình (có thể kết nối hỗ trợ tối đa 30 thiết bị qua LAN thông qua Switch)

1.4 Trạng thái đèn thiết bị

No.	LED hiển thị	Trạng thái		Mô tả
1	POWER	Sáng đỏ		Nguồn điện cho thiết bị bình thường
		Tắt		Có lỗi về nguồn
2	MESH	Agent	Sáng xanh lá, đứng	Kết nối Mesh được thiết lập và tín hiệu tốt
			Sáng xanh lá, nhấp	Kết nối Mesh được thiết lập và tín hiệu không tốt
			Sáng đỏ, nhấp nhấp	Kết nối Mesh đang thiết lập
			Sáng đỏ, đứng	Kết nối Mesh chưa thiết lập
		Controller	Sáng xanh lá	Wi-Fi đang hoạt động bình thường
			Tắt	Wi-Fi disable

1.5 Các dạng mô hình lắp đặt tham khảo

Mô hình mesh	Số tầng/diện tích 1 mặt sàn	< 70m ²	70m ² - 90 m ²	90m ² - 120m ²	120m ² - 160m ²
Meshlink over LAN	1	1 ONT	1 ONT + 1 AP	1 ONT + 1 AP	1 ONT + 2 AP
	2	1 ONT + 1 AP	1 ONT + 1 AP	1 ONT + 3 AP	1 ONT + 3 AP
	3	1 ONT + 2 AP	1 ONT + 2 AP		
	4	1 ONT + 3 AP	1 ONT + 3 AP		
Meshlink over wifi	1	1 ONT	1 ONT + 1 AP	1 ONT + 2AP	1 ONT + 3AP
	2	1 ONT + 1 AP			
	3				
	4				

2. CẤU HÌNH CHI TIẾT

2.1 Đăng nhập WEPGUI

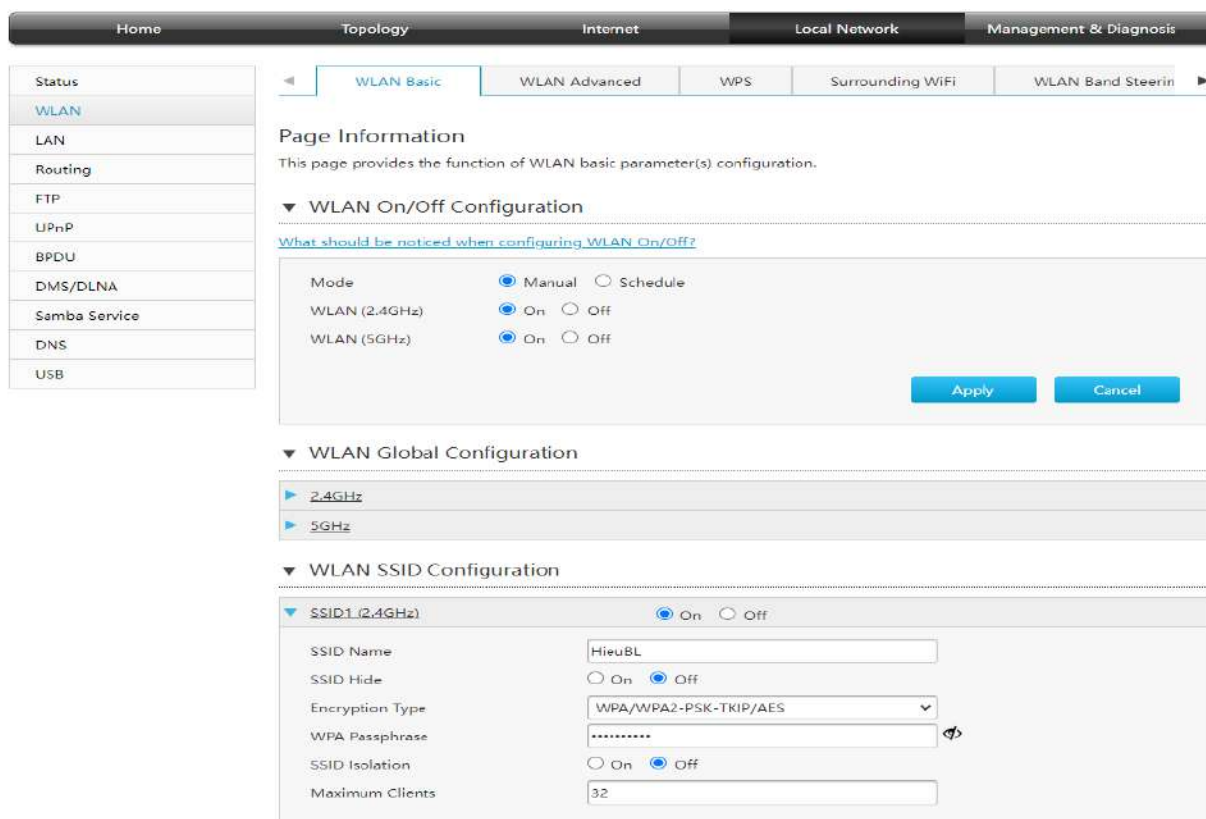
- **Truy cập** : Thực hiện kết nối với wifi của thiết bị bằng SSID/Password được in tại nhãn thiết bị. Hoặc sử dụng dây LAN. Truy cập vào thiết bị Access Point AX1800AZ thông qua địa chỉ IP: 192.168.2.1
- **Lưu ý**: Mặc định địa chỉ là 192.168.1.1 nhưng vì ONT FPT cũng địa chỉ đó nên AP sẽ tự động đổi dải IP sang 192.168.2.1 và điền thông tin đăng nhập như sau:
 - Username: admin
 - Password: Haikui_V2 hoặc ZTEG + 8 ký tự cuối của Dây_SN (đăng nhập lần đầu sẽ yêu cầu đổi mật khẩu)



2.2 Cấu hình Wifi : SSID name , Password, giới hạn số lượng client

- Truy cập : Local Network => WLAN => WLAN Basic => WLAN SSID Configuration

- Thực hiện chọn cấu hình SSID1
- Cài đặt tên Wifi tại mục **SSID Name**.
- Cài đặt mật khẩu tại mục **WPA Pasphrase**.



Home Topology Internet Local Network Management & Diagnosis

WLAN Basic WLAN Advanced WPS Surrounding WiFi WLAN Band Steering

Status WLAN LAN Routing FTP UPnP BPDU DMS/DLNA Samba Service DNS USB

Page Information
This page provides the function of WLAN basic parameter(s) configuration.

▼ **WLAN On/Off Configuration**
What should be noticed when configuring WLAN On/Off?

Mode ☒ Manual ☐ Schedule
WLAN (2.4GHz) ☒ On ☐ Off
WLAN (5GHz) ☒ On ☐ Off

Apply Cancel

▼ **WLAN Global Configuration**

▶ 2.4GHz
▶ 5GHz

▼ **WLAN SSID Configuration**

▼ **SSID1 (2.4GHz)** ☒ On ☐ Off

SSID Name HieuBL
SSID Hide ☐ On ☒ Off
Encryption Type WPA/WPA2-PSK-TKIP/AES
WPA Passphrase
SSID Isolation ☐ On ☒ Off
Maximum Clients 32

Lưu ý : Sau khi cấu hình xong SSID1 2.4Ghz và Password, thì SSID/Password này sẽ được tự động copy config cho SSID5 5GHz.

2.3 Cấu hình tách sóng WIFI

Tách sóng nhằm mục đích người sử dụng cần cài đặt các thiết bị thông minh, các thiết bị camera, robot hút bụi, thiết bị đời cũ... chỉ hỗ trợ băng tần 2.4Ghz .

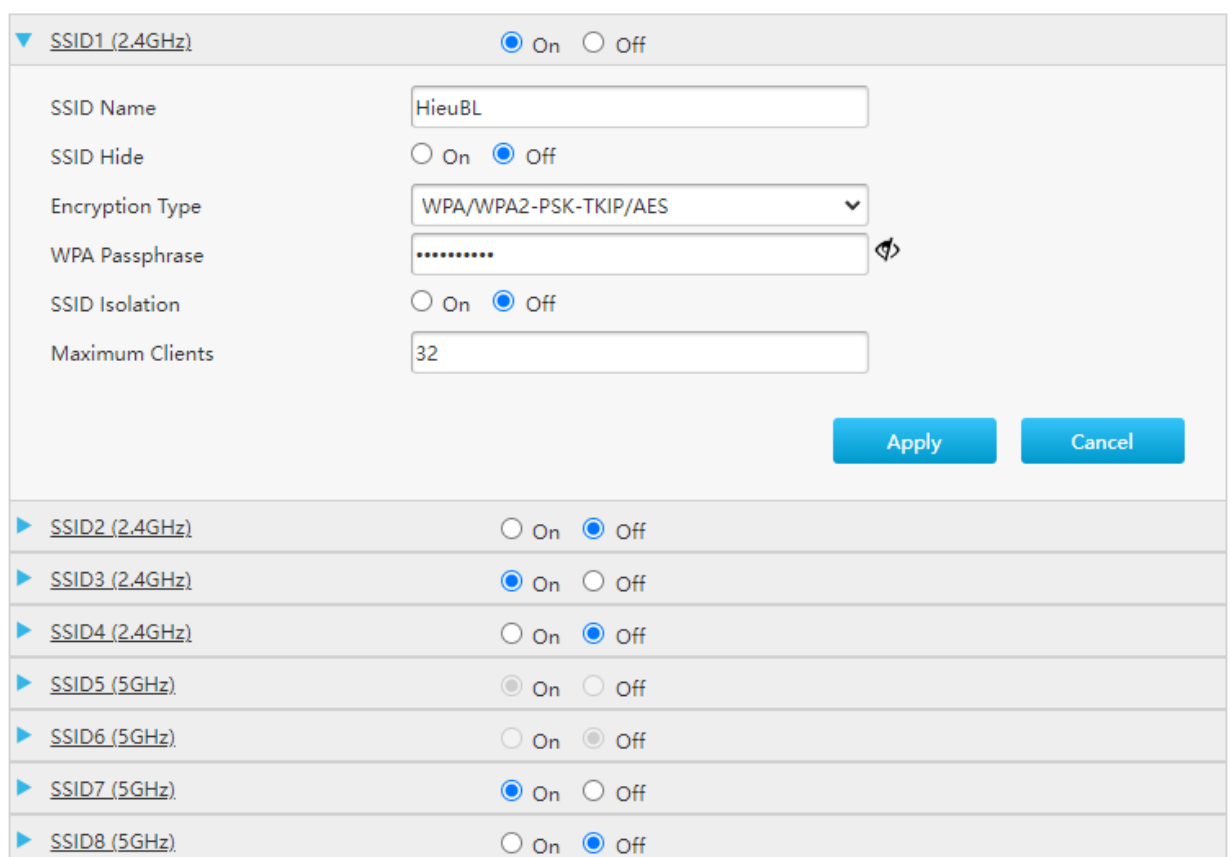
-Chọn : Local Network => WLAN => WLAN Basic => WLAN SSID Configuration

1. Thực hiện bật On băng tần 2.4Ghz tại mục SSID3 hoặc SSID4 thực hiện Kích đúp vào đặt tên Wifi và mật khẩu (chú ý đã tách sóng nên đặt Tên + mật khẩu khác với SSID1 và SSID5)

2. Thực hiện On băng tần 5Ghz nếu khách có nhu cầu sử dụng thêm tại SSID7 hoặc SSID 8.

P/S: Với mô hình chạy Converter + ACP AX1800AZ, không thực hiện đổi được mật khẩu trên Hifpt với 2 sóng 2.4Ghz và 5Ghz đã tách này. Chỉ đổi được SSID 1 và SSID 5 qua App Hifpt (tool omni chỉ cần đổi 2.4G sóng 5G cũng tự cập nhật).

▼ WLAN SSID Configuration

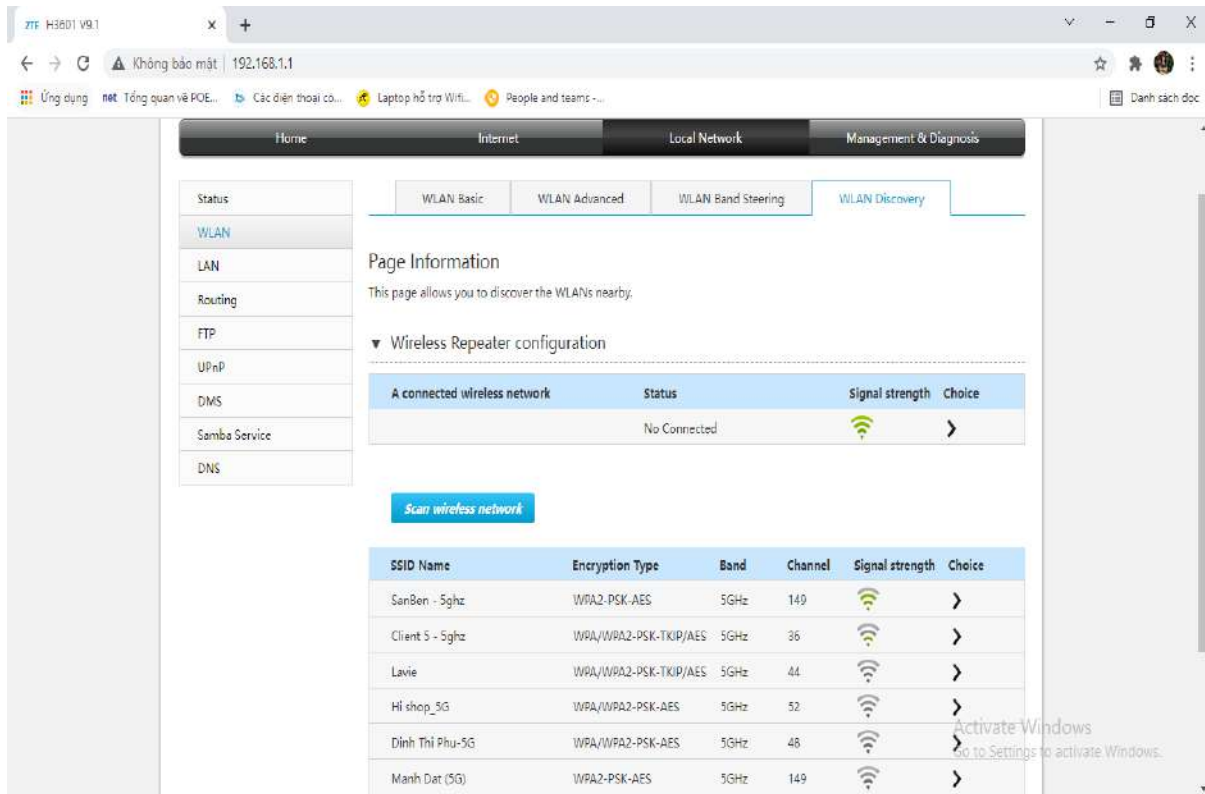


SSID	Frequency	On	Off
SSID1	2.4GHz	☒	☐
SSID2	2.4GHz	☐	☒
SSID3	2.4GHz	☒	☐
SSID4	2.4GHz	☐	☒
SSID5	5GHz	☐	☒
SSID6	5GHz	☐	☒
SSID7	5GHz	☒	☐
SSID8	5GHz	☐	☒

2.4 Cấu hình 1800AZ thành Repeater

Chọn : Local Network => WLAN => WLAN Discovery

Chọn sóng cần tiếp sóng và nhập mật khẩu Wifi của thiết bị phát .



Page Information

This page allows you to discover the WLANs nearby.

Wireless Repeater configuration

A connected wireless network	Status	Signal strength	Choice
No Connected			>

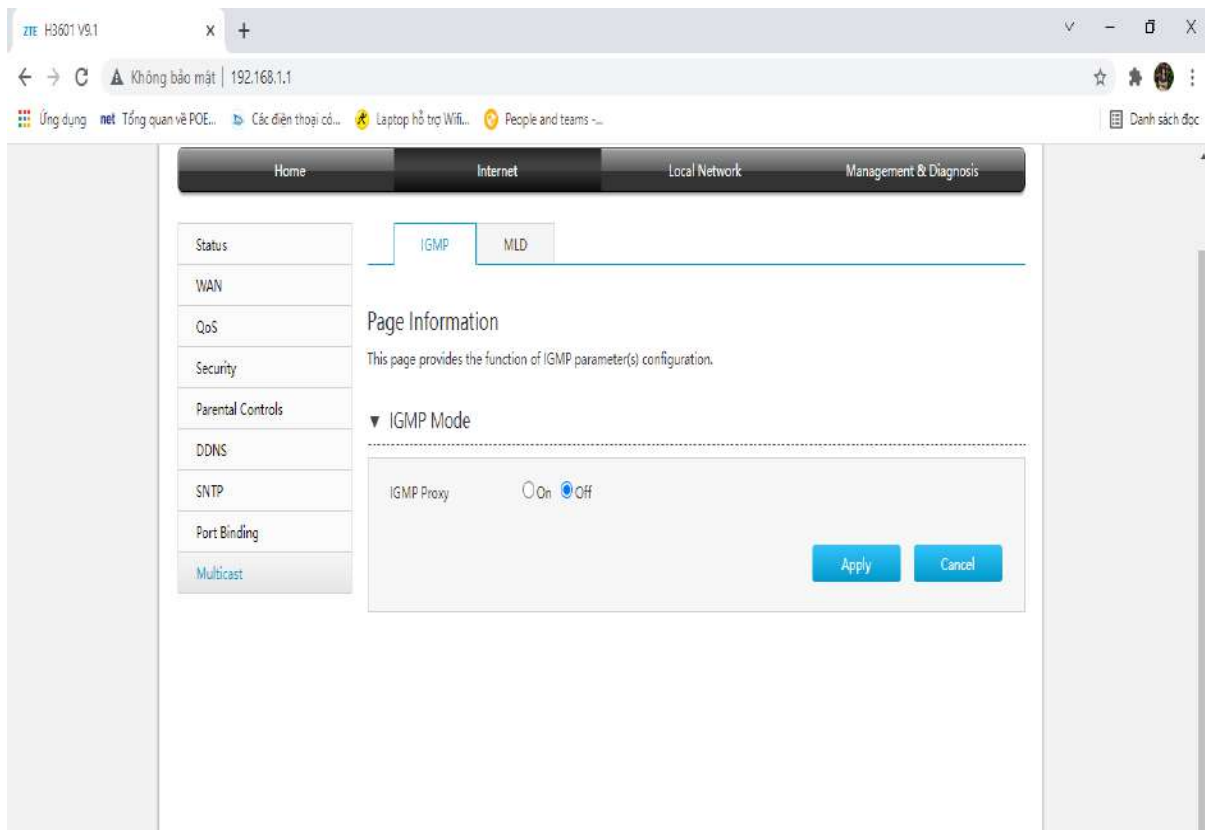
Scan wireless network

SSID Name	Encryption Type	Band	Channel	Signal strength	Choice
SanBen - 5ghz	WPA2-PSK-AES	5GHz	149		>
Client 5 - 5ghz	WPA/WPA2-PSK-TKIP/AES	5GHz	36		>
Lavie	WPA/WPA2-PSK-TKIP/AES	5GHz	44		>
Hi shop_5G	WPA/WPA2-PSK-AES	5GHz	52		>
Dinh Thi Phu-5G	WPA/WPA2-PSK-AES	5GHz	48		>
Manh Dat (5G)	WPA2-PSK-AES	5GHz	149		>

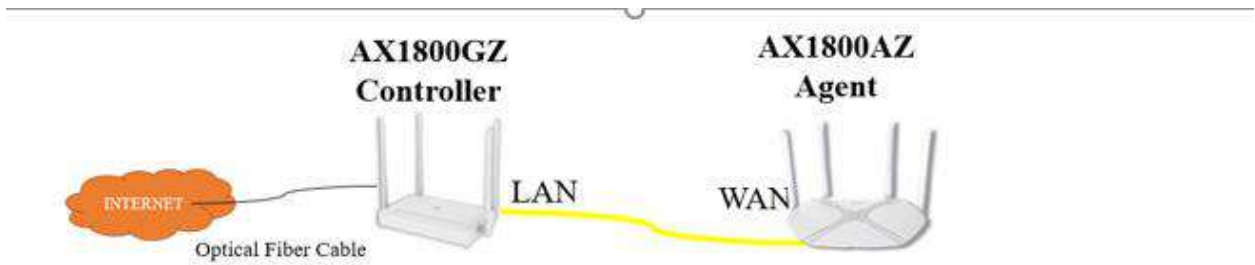
2.5 Cấu hình IPTV

Internet => Multicast => IGMP => IGMP Mode (Thiết bị mode Controller nên IGMP phải để On Proxy)

P/S : Một số trường hợp gặp lỗi truyền hình cáp qua 1800AZ bị giật hình, hoặc đen màn hình, thực hiện OFF IGMP proxy sau đó On IGMP proxy Lại sẽ hoạt động bình thường



2.6 Cấu hình MESH



- **Bước 1:** Sau khi đã thực hiện hoàn tất cấu hình của INTERNET HUB AX1800GZ (Enable MESH), tiến hành ‘RESET’ cứng thiết bị AX1800AZ và cắm dây từ port LAN của AX1800GZ(Controller) vào WAN của AP AX1800AZ (Agent)
 - **Bước 2:** Theo dõi đèn tín hiệu trên AP AX1800AZ (agent). Khi nào đèn tín hiệu chuyển từ nhấp nháy đỏ sang sáng đứng xanh lá thì là đã mesh thành công. Làm tương tự với các AP còn lại
 - **Bước 3:** Ngắt kết nối dây LAN, chuyển thiết bị AP Agent đến các vị trí lắp đặt và cắm nguồn cho các AP
- Lưu ý:** Để chất lượng mesh tốt nhất, đặt vị trí các AP Agent sao cho đèn tín hiệu xanh sang đứng, nếu ở vị trí đèn xanh nhấp liên tục có nghĩa là vị trí đặt AP Agent hiện tại quá xa với Controller (RSSI> -70dbm) sẽ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.
- **Bước 4:** Kiểm tra thông tin mesh topology trên controller: Login INTERNET HUB AX1800GZ Controller

Giai thích B1 chi tiết

- -AX1800GZ (chọn Mode controller) -Bật Mode controller vào mục **Management & Diagnosis > Work mode > chọn Controller**
- **AX1800AX (agent) reset cứng trước**-Kết nối từ cổng LAN của INTERNET HUB AX1800GZ vào cổng WAN của AP AX1800AZ khi đó AP tự động mesh với ONT và sẽ chạy mode Agent

Lưu ý: 1800Az có thể MESH được với tất cả các thiết bị ZTE (3000gz, 1800gz)– vẫn kết nối mesh được các thiết bị chuẩn WiFi 5 như AC1200z hoặc một số loại thiết bị ZTE khác trên thị trường

Sau khi MESH thành công có thể kiểm tra thêm thông tin mesh topology trên controller: Login INTERNET HUB AX1800GZ Controller xem như ảnh bên dưới :



2.7. Chặn thiết bị truy cập (Parental Controls)

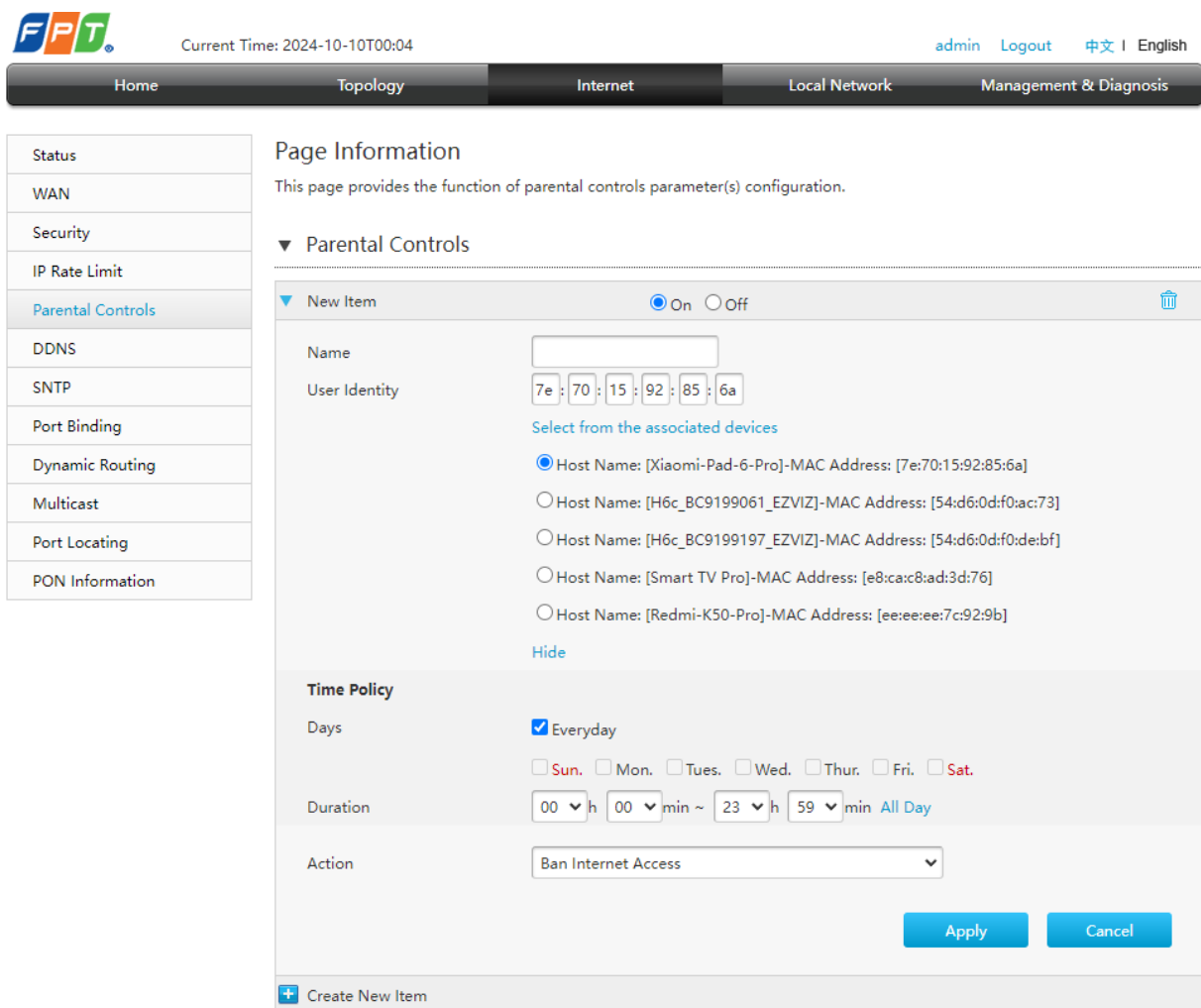
Chọn Internet > Parental Controls > New item > ON> -Chọn list thiết bị cần chặn khi kích vào Select from the associated devices

Mục Time Policy :

-Days : Chọn tích Everyday nếu muốn mặc định chặn tất cả ngày trong tuần, hoặc bỏ tích, chọn các ngày cần chặn trong tuần

-Duration : Chọn khoản thời gian cần chặn.

- Action : Chọn Chặn hoàn toàn internet (Ban internet Access, hoặc chọn chặn URL



Current Time: 2024-10-10T00:04

admin Logout 中文 | English

Home Topology Internet Local Network Management & Diagnosis

Status
WAN
Security
IP Rate Limit
Parental Controls
DDNS
SNTP
Port Binding
Dynamic Routing
Multicast
Port Locating
PON Information

Page Information
This page provides the function of parental controls parameter(s) configuration.

▼ Parental Controls

▼ New Item ☒ On ☐ Off

Name

User Identity 7e : 70 : 15 : 92 : 85 : 6a

Select from the associated devices

☒ Host Name: [Xiaomi-Pad-6-Pro]-MAC Address: [7e:70:15:92:85:6a]

☐ Host Name: [H6c_BC9199061_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:ac:73]

☐ Host Name: [H6c_BC9199197_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:de:bf]

☐ Host Name: [Smart TV Pro]-MAC Address: [e8:ca:c8:ad:3d:76]

☐ Host Name: [Redmi-K50-Pro]-MAC Address: [ee:ee:ee:7c:92:9b]

Hide

Time Policy

Days ☒ Everyday

☐ Sun. ☐ Mon. ☐ Tues. ☐ Wed. ☐ Thur. ☐ Fri. ☐ Sat.

Duration 00 h 00 min ~ 23 h 59 min All Day

Action Ban Internet Access

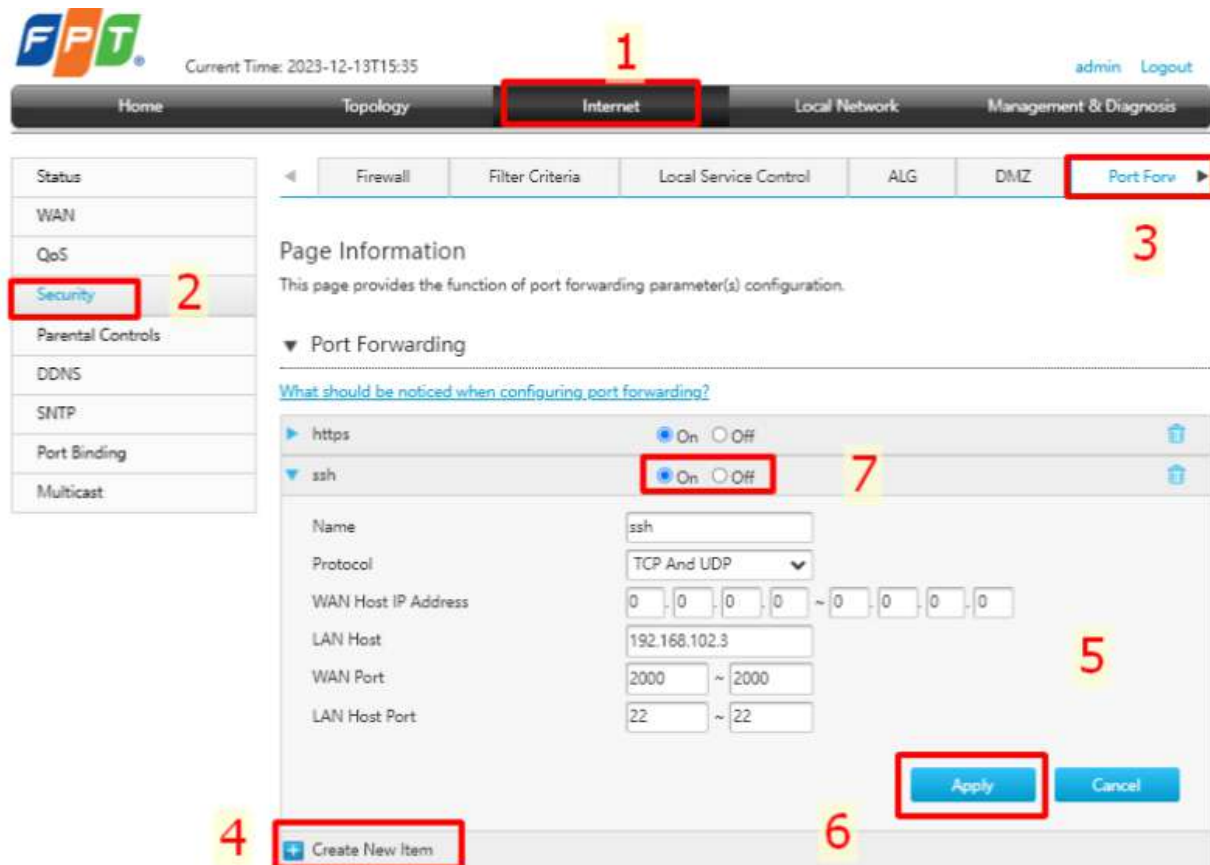
Apply Cancel

+ Create New Item

2.8 : Nat port

Internet => Security => Port Forwarding => Create New Item

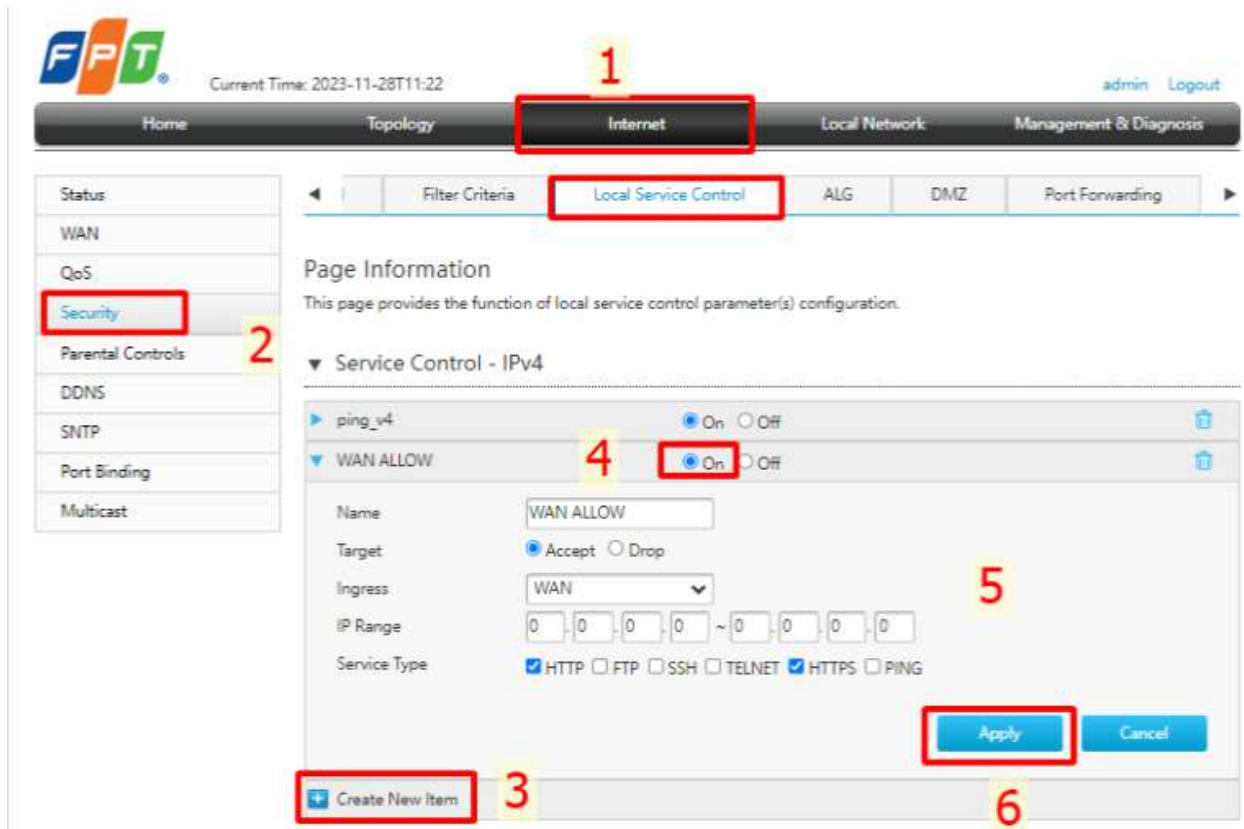
- Protocol: Chọn giao thức cho phép truy cập TCP/UDP
- WAN Host IP Address: chỉ định 1 IP WAN được phép truy cập hoặc cho phép tất cả IP WAN (thì để nguyên mặc định)
- LAN Host: chọn IP LAN muốn mở port
- Wan Port: mở port wan, VD mở port wan 2000
- Lan Host Port: chọn range port muốn mở trong LAN Trong hình là ví dụ mở WAN port 2000 để SSH vào client có IP 196.168.102.3



The screenshot displays the FPT Telecom web interface for configuring port forwarding. The top navigation bar shows 'Internet' (1) selected. The left sidebar has 'Security' (2) highlighted. The main content area shows 'Port Forwarding' (3) selected. The 'Port Forwarding' section includes a list of items with 'ssh' (7) selected. The configuration fields for 'ssh' are visible, including 'Name' (ssh), 'Protocol' (TCP And UDP), 'WAN Host IP Address' (0.0.0.0 ~ 0.0.0.0), 'LAN Host' (192.168.102.3), 'WAN Port' (2000 ~ 2000), and 'LAN Host Port' (22 ~ 22) (5). The 'Create New Item' button (4) and the 'Apply' button (6) are also highlighted.

2.9. Cấu hình bật Remote web

Internet => Security => Local Service Control => Create New Item Cho phép sử dụng remote web bằng http/https



The screenshot shows the FPT Telecom web management interface. The top navigation bar has 'Internet' selected (1). The left sidebar has 'Security' selected (2). The main content area shows 'Local Service Control' (3). The 'WAN ALLOW' section is expanded (4), showing 'On' selected (5). The 'Apply' button is highlighted (6). The 'Create New Item' button is also highlighted (3).